CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 10-2024/HĐKT-DET

Tên gói thầu: "Xây dựng bộ công cụ liên thông hồ sơ, dữ liệu phù hợp với mô hình liên thông của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố Hồ Chí Minh"

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 của Quốc hội ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 73/2019 ngày 5 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về Quy định Quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 14937/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về việc điều chỉnh dự toán và danh mục nội dung kinh phí đã giao năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-KHCNTT ngày 04 tháng 12 năm 2024 của phòng Khoa học - Công nghệ và Thông tin về việc phê duyệt dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: "Xây dựng bộ công cụ liên thông hồ sơ, dữ liệu phù hợp với mô hình liên thông của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố Hồ Chí Minh";

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 04 tháng 12 năm 2024 thực hiện gói thầu "Xây dựng bộ công cụ liên thông hồ sơ, dữ liệu phù hợp với mô hình liên thông của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố Hồ Chí Minh" giữa Phòng Khoa học - Công nghệ và Thông tin thành phố Thủ Đức và Công ty Cổ phần giải pháp Công nghệ Kỷ Nguyên Số;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-KHCNTT ngày 05 tháng 12 năm 2024 của phòng Khoa học - Công nghệ và Thông tin thành phố Thủ Đức về việc phê duyệt

kết quả chỉ định thầu gói thầu "Xây dựng bộ công cụ liên thông hồ sơ, dữ liệu phù hợp với mô hình liên thông của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố Hồ Chí Minh".

Hôm nay, ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại Phòng Khoa học - Công nghệ và Thông tin thành phố Thủ Đức, chúng tôi gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A): PHÒNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ THÔNG TIN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

- Đại diện : Ông **Nguyễn Trần Phú Thịnh** Chức vụ: Trưởng phòng.
- Địa chỉ: 168 Trương Văn Bang, Phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3747 1111.
- Tài khoản: 9527.3.1131196 Tại Kho bạc nhà nước Thủ Đức
- Mã số thuế: 0316932094

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ KỶ NGUYÊN SỐ

- Đại diện : Ông **Lê Hữu Minh Sang** Chức vụ: Giám đốc Điều hành.
- Địa chỉ : 307 Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM.
- Điện thoại: 090.312.6989
- Tài khoản: Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Kỷ Nguyên Số
- Số tài khoản: 98686898 Tại Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) – Chi nhánh Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh
- Mã số thuế: 0318405671

Hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao và Bên B thực hiện công việc "Xây dựng bộ công cụ liên thông hồ sơ, dữ liệu phù hợp với mô hình liên thông của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố Hồ Chí Minh" với các chức năng phần mềm như sau:

STT	Công việc
I	**Hiệu chỉnh các chức năng liên thông tích hợp hệ thống cổng DVC và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố Hồ Chí Minh (MCTT)**
1	Hiệu chỉnh dịch vụ kết nối, danh mục thông tin dùng chung
1.1	Hiệu chỉnh thông tin kết nối
1.2	Hiệu chỉnh mã kết nối liên thông (Mã phòng ban, Mã phường…)
2	Xây dựng Api gói tin gửi hồ sơ chuyên ngành (PMCN)
3	Xây dựng Api gói tin nhận hồ sơ chuyên ngành

STT	Công việc
4	Xây dựng Api gói tin cập nhật hồ sơ
5	Xây dựng Api gói tin phản hồi trạng thái hồ sơ
II	**Hiệu chỉnh các chức năng xử lý phần mềm chuyên nghành**
1	Hiệu chỉnh cấu trúc số biên nhận hồ sơ theo quy định
2	Hiệu chỉnh, bổ sung chức năng khi hồ sơ gửi từ hệ thống cổng DVC sẽ chuyển đến trực tiếp tài khoản phòng ban chuyên môn phụ trách theo Lĩnh vực
3	Hiệu chỉnh bổ sung các nghiệp vụ xử lý hồ sơ bao gồm:
3.1	Nghiệp vụ đồng bộ hồ sơ vừa tiếp nhận hồ sơ (Hồ sơ trực tuyến không qua bộ nhận tiếp nhận)
3.2	Nghiệp vụ rút hồ sơ (Chủ hồ sơ chủ động rút hồ sơ, cập nhật, phản hồi thông tin lên hệ thống)
3.3	Nghiệp vụ bổ sung hồ sơ (Bổ sung hồ sơ trực tuyến, Quy định thông tin và các bước được phép bổ sung hồ sơ, cập nhật phản hồi thông tin lên hệ thống)
4	Hiệu chỉnh, bổ sung các nghiệp vụ liên quan đến file đính kèm hồ sơ
4.1	Nghiệp vụ lưu, tải file đính kèm
4.2	Nghiệp vụ phản hồi file đính kèm
4.3	Kết nối dịch vụ, tạo mã QR tra cứu thông tin hồ sơ sau khi tiếp nhận, đồng bộ từ MCTT
5	Hiệu chỉnh bổ sung dữ liệu thông tin phần mềm chuyên ngành gửi lên hệ thống DVC
5.1	Bổ sung các trường thông tin: Số, ngày, file, loại công văn
5.2	Xây dựng chức năng liên thông phần mềm Quản lý văn bản, tự động thu thập văn bản, hồ sơ sau khi phát hành
5.3	Xây dựng chức năng đồng bộ kết quả giải quyết hồ sơ hành chính từ PMCN và MCTT, kết thúc hồ sơ sau khi đồng bộ thành công
IV	**Hỗ trợ vận hành**
1	Hướng dẫn sử dụng người dùng trực tiếp tại đơn vị
2	Hỗ trợ vận hành chính thức từ xa
V	**Bảo hành hệ thống (12 tháng)**
1	Bảo hành hệ thống 12 tháng sau nghiệm thu

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
3. Báo giá của nhà thầu;
4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán, nguồn vốn

1. Giá hợp đồng: **90.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Chín mươi triệu đồng*). Giá trị này bao gồm các chi phí và bất kỳ các loại thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

2. Các Bên đồng ý sẽ thanh toán theo tiến độ cấp vốn của cơ quan có thẩm quyền và tiến độ giải ngân của Kho bạc nhà nước.

3. Phương thức thanh toán:

a. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100% bằng tiền đồng Việt Nam.

b. Thời hạn thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng với số tiền là **90.000.000** đồng (*Bằng chữ: Chín mươi triệu đồng*) bằng chuyển khoản sau khi hai bên ký kết biên bản nghiệm thu với khối lượng công việc 100% (kèm theo các biên bản xác nhận giữa hai Bên) và Bên A nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán như sau:

- Hợp đồng đã ký kết;
- Hồ sơ nghiệm thu khối lượng công việc theo quy định hiện hành;
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng
- Hóa đơn tài chính.

4. Nguồn vốn: Ngân sách thành phố Thủ Đức phân bổ Phòng Khoa học - Công nghệ và Thông tin.

Điều 6. Loại hợp đồng: trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:

1. Thời gian thực hiện gói thầu: 15 ngày.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng: 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (bao gồm ngày lễ, tết và ngày nghỉ cuối tuần).

Điều 8. Điều chỉnh hợp đồng

Việc điều chỉnh, bổ sung hợp đồng được hai bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;

- Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

- Nhà thầu bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;

- Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục này, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

b) Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:

- Nếu Chủ đầu tư không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà thầu theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo hợp đồng về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà thầu về việc quá hạn thanh toán.

- Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, Nhà thầu không thể thực hiện được hợp đồng.

2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán: Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó

Điều 10. Bất khả kháng

1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu

trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Điều 11. Bảo hành và bảo trì

Thời hạn bảo hành: 12 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

Bên B có nghĩa vụ bảo hành đối với những sự cố lỗi phần mềm phát sinh trong quá trình vận hành và sử dụng. Bên B chỉ cam kết bảo hành những lỗi kỹ thuật xảy ra với sản phẩm do lỗi của bên B trong quá trình xây dựng sản phẩm.

Bên B không có nghĩa vụ phải thực hiện bảo hành hay sửa lỗi nếu bên A tự ý hoặc yêu cầu bên thứ 3 nào khác can thiệp vào phầm mềm. trường hợp này bên B sẽ thực hiện thu phí theo bảng giá của bên B nếu như bên A yêu cầu bên B sửa lỗi

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo luật định.

Điều 13. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, hết hiệu lực sau khi hai Bên hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng và không còn công nợ với nhau.

Hợp đồng được lập thành 06 bản, chủ đầu tư giữ 04 bản, nhà thầu giữ 02 bản, các bản hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU **GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**	**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ** **TRƯỞNG PHÒNG**
LÊ HỮU MINH SANG	**NGUYỄN TRẦN PHÚ THỊNH**